

Số: **13** /2020/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **07** tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 90/TTr-SXD ngày 06 tháng 4 năm 2020 và Công văn số 1239/SXD-KTVLXD ngày 28 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“ 1. Tiêu chí giao chủ đầu tư các dự án được quy định như sau:

a) Các công trình, dự án đầu tư công có tổng mức đầu tư từ trên 30 tỷ đồng thuộc địa bàn các huyện, thị xã và công trình, dự án đầu tư công có tổng mức đầu tư từ trên 50 tỷ đồng thuộc địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột: Giao Ban quản lý dự án chuyên ngành làm chủ đầu tư;

b) Các công trình, dự án đầu tư công giao Ban quản lý dự án khu vực làm chủ đầu tư:

- Các công trình, dự án đầu tư công có tổng mức đầu tư từ 30 tỷ đồng trở xuống, thực hiện trên địa bàn một huyện (hoặc thị xã) thì giao Ban quản lý khu vực (huyện, thị xã) đó làm chủ đầu tư;

- Các công trình, dự án đầu tư công có tổng mức đầu tư từ 50 tỷ đồng trở xuống, thực hiện trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột thì giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột làm chủ đầu tư;

- Trường hợp các công trình, dự án có tổng mức đầu tư nêu trên mà địa điểm thực hiện ở 02 đơn vị cấp huyện, căn cứ vào tổng giá trị xây lắp và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng trên địa bàn nào lớn hơn thì giao Ban quản lý dự án khu vực địa bàn đó làm chủ đầu tư.

c) Các công trình, dự án đầu tư công trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh thì giao cho các đơn vị quản lý sử dụng làm chủ đầu tư theo quy định về quản lý công trình có tính chất quốc phòng, an ninh;

d) Các dự án sử dụng nguồn vốn ODA: Tùy theo kết quả đàm phán, quy định của Chính phủ, quy định của các Bộ, ngành trung ương và hiệp định ký kết với nhà tài trợ, UBND tỉnh giao chủ đầu tư cho phù hợp;

đ) Đối với những công trình, dự án có tính chất đặc thù thì việc giao chủ đầu tư do UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Ngoài tiêu chí tại Khoản 1 Điều này, việc giao các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh làm chủ đầu tư còn phải căn cứ điều kiện năng lực.

Sở Xây dựng công bố năng lực các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh định kỳ 06 tháng, 01 năm để các Sở, ngành tham mưu UBND tỉnh giao chủ đầu tư và các nội dung hoạt động xây dựng theo quy định.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điểm d Khoản 2; Khoản 4, Khoản 5 Điều 4 như sau:

“ d) Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP:

- Sở quản lý xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 4 Quy định này chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) và thẩm định dự toán xây dựng; đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế công nghệ (nếu có) và tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế cơ sở; thẩm định tổng mức đầu tư trên cơ sở kết quả thẩm định dự toán xây dựng do cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện, trình phê duyệt dự án.

4. Đối với các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất sử dụng vốn chi sự nghiệp có:

a) Chi phí thực hiện dưới 01 (một) tỷ đồng được bố trí vốn chi sự nghiệp trong dự toán ngân sách nhà nước: Chủ đầu tư tự tổ chức lập, thẩm định và chỉ được phê duyệt dự toán công trình sau khi có ý kiến thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn để thực hiện;

b) Chi phí thực hiện từ 01 (một) tỷ đồng trở lên được bố trí vốn sự nghiệp thuộc ngân sách cấp huyện giao cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, tổng hợp và trình UBND cấp huyện phê duyệt;

c) Chi phí thực hiện từ 01 (một) tỷ đồng trở lên được bố trí vốn sự nghiệp thuộc ngân sách tỉnh giao cho các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành tổ chức, thẩm định và phê duyệt theo quy định.

5. Đối với các dự án sử dụng kinh phí bảo trì đường bộ, không phân biệt nguồn vốn (kể cả vốn lồng ghép ngân sách tỉnh, ngân sách địa phương, vốn hợp pháp khác) có:

a) Chi phí thực hiện dưới 01 (một) tỷ đồng để sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp các công trình giao thông đường bộ: Chủ đầu tư tự tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định;

b) Chi phí thực hiện từ 01 (một) tỷ đồng trở lên giao Sở Giao thông vận tải tổ chức thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định; chủ đầu tư lập Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt.”

3. Bổ sung Điều 5a, Điều 5b sau Điều 5 của Quy định như sau:

“ Điều 5a. Về tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán các công việc ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án do UBND tỉnh Quyết định đầu tư:

a) Giao Sở quản lý công trình chuyên ngành theo quy định tại Điều 76 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng tổ chức thẩm định dự toán các công việc ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng, chiều cao không quá 75m; công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh Quyết định đầu tư;

b) Phân cấp cho các Sở quản lý công trình chuyên ngành phê duyệt dự toán các công việc ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh Quyết định đầu tư.

Điều 5b. Về tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán các công việc chuẩn bị để lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công đối với các dự án do UBND tỉnh Quyết định đầu tư:

a) Giao Sở quản lý công trình chuyên ngành theo quy định tại Điều 76 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án

đầu tư xây dựng tổ chức thẩm định dự toán các công việc chuẩn bị để lập thiết kế kỹ thuật (trong trường hợp thiết kế ba bước), thiết kế bản vẽ thi công (trong trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng, chiều cao không quá 75m; công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh Quyết định đầu tư.

b) Phân cấp cho các Sở quản lý công trình chuyên ngành phê duyệt dự toán các công việc chuẩn bị để lập thiết kế kỹ thuật (trong trường hợp thiết kế ba bước), thiết kế bản vẽ thi công (trong trường hợp thiết kế hai bước) đối với các dự án trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh Quyết định đầu tư.

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 7 như sau:

“3. UBND cấp huyện tổ chức thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án đã phân cấp quyết định đầu tư theo Khoản 1 Điều 4 Quy định này.”

5. Điều chỉnh các cụm từ trong Quy định như sau:

- “Phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp huyện...” (Khoản 1 Điều 4) thành “phân cấp cho UBND cấp huyện...”;

- “Phân cấp cho Giám đốc Sở quản lý xây dựng chuyên ngành...” (Điểm b Khoản 1 Điều 5 và Điểm b Khoản 2 Điều 5) thành “phân cấp cho Sở quản lý xây dựng chuyên ngành...”;

- “Phân cấp cho Giám đốc Sở Tài chính...” (Khoản 2 Điều 7) thành “Phân cấp cho Sở Tài chính...”

Điều 2. Các nội dung khác không nêu trong Quyết định này thì thực hiện theo văn bản pháp luật liên quan. Trường hợp văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn có quy định khác thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Điều 3. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng đến dưới 01 (một) tỷ đồng được bố trí vốn chi sự nghiệp trong dự toán ngân sách nhà nước đã lập và thẩm định nhưng chưa phê duyệt thì Chủ đầu tư không tổ chức thẩm định lại và căn cứ kết quả thẩm định của các Sở quản lý xây dựng để làm cơ sở phê duyệt theo thẩm quyền quy định trong Quyết định này.

2. Đối với các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất có chi phí thực hiện từ 01 (một) tỷ đồng trở lên được bố trí vốn chi sự nghiệp trong dự toán ngân sách nhà nước đã lập, thẩm định và trình UBND tỉnh nhưng chưa phê duyệt thì Chủ đầu tư căn cứ kết quả thẩm định của các Sở quản lý xây dựng, lập Tờ trình gửi các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành để phê duyệt theo thẩm quyền.

Điều 4. Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai Quyết định này; theo dõi, kiểm tra, báo cáo định kỳ (06 tháng, hằng năm), đột xuất cho UBND tỉnh.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan ở tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND

các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/5/2020./..

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB QPPL- Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5; Sở Tư pháp;
- UBND các xã, phường, thị trấn
(do UBND các huyện, TX, TP sao gửi);
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT&TH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các P, TT thuộc VPUBND tỉnh;
- Lưu VT, CN (VT.90)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

